

## ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG NĂNG LỰC TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

Nguyễn Văn Kiệt<sup>1</sup>, Lê Hoàng Minh<sup>1</sup>, Huỳnh Gia Bảo<sup>2</sup>, Hồ Thị Băng Hạ<sup>3</sup>,  
Lâm Mỹ Ái<sup>3</sup> và Trang Quang Vinh<sup>4</sup>

<sup>1</sup>*Phòng Công tác Chính trị và Quản lý Sinh viên, Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ*

<sup>2</sup>*Khoa Sư phạm, Trường Đại học Cần Thơ*

<sup>3</sup>*Khoa Quản lý Công nghiệp, Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ*

<sup>4</sup>*Khoa Sư phạm, Trường Đại học An Giang. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh*

**Tóm tắt.** Thế giới đang bước vào kỉ nguyên của sự chuyển đổi số ứng dụng công nghệ số vào mọi mặt đời sống xã hội trong đó có giáo dục. Trong bối cảnh này, hoạt động dạy học ở các trường đại học ở Việt Nam đã và đang thay đổi theo mục tiêu phát triển năng lực của người học. Trong số các năng lực cần thiết cho sinh viên như năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, năng lực nghiên cứu khoa học, năng lực tự học,... thì năng lực tự học có vai trò rất quan trọng, là một yêu cầu tất yếu và cần thiết. Bài viết nêu cơ sở lí thuyết về tự học và đánh giá thực trạng tự học của sinh viên Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ.

**Từ khóa:** tự học, sinh viên, Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ (CTUT), đánh giá, thực trạng.

### 1. Mở đầu

Hiện nay, cả thế giới trong đó có Việt Nam, đang bước vào kỉ nguyên của sự chuyển đổi số (digital transformation), ứng dụng công nghệ số vào mọi mặt đời sống xã hội trong đó có giáo dục (GD) [1]. Trong bối cảnh này, hoạt động dạy học (HDDH) ở các trường đại học ở Việt Nam đã và đang thay đổi theo mục tiêu phát triển năng lực (NL) của người học. Trong các hoạt động dạy học ở bậc đại học, giảng viên (GV) đóng vai trò là người hướng dẫn học tập và các giờ lên lớp chỉ cung cấp các kiến thức cơ bản nhất, cung cấp phương pháp và tài liệu liên quan cho sinh viên (SV) tự tìm tòi, mở rộng kiến thức theo yêu cầu môn học, sinh viên được coi là trung tâm của HDDH [2, 3].

Tại Việt Nam, vấn đề tự học (TH) đã được quan tâm, chú trọng từ lâu. Tuy nhiên, vấn đề TH thực sự được nghiên cứu nghiêm túc, rộng rãi từ khi nền giáo dục cách mạng ra đời mà Chủ tịch Hồ Chí Minh vừa là người khởi xướng vừa là tấm gương sáng về tinh thần TH [4]. Người từng nói: “*Còn sống thì còn phải học*” và cho rằng: “*Về cách học phải lấy tự học làm cốt*”. Theo Tô Minh Thanh (2011), việc TH chỉ có hiệu quả khi SV kiên trì TH, giảng viên thực hiện tốt vai trò của nhà tổ chức, điều khiển hoạt động TH của SV và nhà trường tích cực hỗ trợ hoạt động dạy và học, trong đó có hoạt động TH [5]. Theo Đoàn Văn Khải (2017), việc TH của SV chịu sự

---

Ngày nhận bài: 4/2/2023. Ngày sửa bài: 30/3/2023. Ngày nhận đăng: 28/4/2023.

Tác giả liên hệ: Huỳnh Gia Bảo. Địa chỉ e-mail: [baoxuyensp1111@gmail.com](mailto:baoxuyensp1111@gmail.com)

tác động của các yếu tố bên trong thuộc về bản thân người học cũng như các yếu tố bên ngoài như sự giảng dạy của GV, nhà trường, gia đình, xã hội, môi trường xung quanh [6]. Theo Nguyễn Đức Giang và Phạm Thị Hồng Nhung (2020), các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển NLTH bao gồm: môi trường vật lí, vai trò của GV, vai trò bản thân trong đó yếu tố bản thân người học có mức ảnh hưởng cao nhất đến sự phát triển NLTH của SV. Một số khó khăn khi phát triển NLTH cho SV được nghiên cứu nêu ra là thiếu môi trường để vận dụng kiến thức và kĩ năng vào cuộc sống; thiếu kĩ năng học tập; thiếu bầu không khí tích cực khuyến khích việc TH và thiếu động lực để SV tích cực học tập [7]. Còn theo Lê Chi Lan (2020), những yếu tố khách quan ảnh hưởng đến ý thức TH của sinh viên đại học hiện nay là các yếu tố gia đình, xã hội, nhà trường và viễn cảnh nghề nghiệp. Trong đó hai yếu tố trong nhà trường có tác động nhiều nhất đối với ý thức TH của SV là phương pháp giảng dạy của GV và trình độ của GV [8].

Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ (CTUT) được thành lập theo Quyết định số 249/QĐ-TTg ngày ngày 29 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ. Tầm nhìn đến năm 2030, Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ trở thành trường đại học theo định hướng ứng dụng liên ngành kĩ thuật công nghệ phù hợp với xu thế phát triển trong thời kì Cách mạng công nghiệp lần thứ tư [9]. Để thực hiện mục tiêu này, việc nâng cao nhận thức và phát triển năng lực tự học (NLTH) của SV là tất yếu và cần thiết. Trong thực tế dạy học tại CTUT, chúng tôi nhận thấy việc tự học của SV chưa thật sự hiệu quả, đặc biệt là những tân SV chưa làm quen với môi trường ở bậc đại học. Do đó, việc đánh giá thực trạng TH của SV làm cơ sở để đưa ra những giải pháp nâng cao NLTH của SV tại CTUT là rất cần thiết.

## **2. Nội dung nghiên cứu**

### **2.1. Cơ sở lí thuyết**

#### **2.1.1. Năng lực**

Năng lực là khả năng thực hiện thành công và có trách nhiệm các nhiệm vụ, giải quyết vấn đề (GQVĐ) trong các tình huống xác định cũng như các tình huống thay đổi trên cơ sở huy động tổng hợp các kiến thức, kĩ năng và các thuộc tính tâm lí khác như động cơ, ý chí, quan niệm, giá trị, suy nghĩ thấu đáo và sự sẵn sàng hành động [2]. Còn theo Phạm Thị Hồng Tú (2018), NL chính là khả năng của mỗi cá nhân được thể hiện ở sự huy động tổng hợp các kiến thức, kĩ năng và các thuộc tính tâm lí như hứng thú, niềm tin, ý chí,... để thực hiện thành công một loạt công việc trong một bối cảnh nhất định [3]. Trong bài viết này, NL được hiểu là khả năng của cá nhân thực hiện có hiệu quả những vấn đề phức hợp trong những bối cảnh nhất định.

#### **2.1.2. Tự học và năng lực tự học**

Tự học (TH) là hoạt động chiếm một vị trí quan trọng trong quá trình dạy học. Đó là việc học của SV diễn ra song song với quá trình dạy học [5, 10]. Theo đó, TH là hình thức hoạt động nhận thức của cá nhân nhằm nắm vững hệ thống tri thức và kĩ năng do chính SV tiến hành ngoài giờ học chính thức được quy định trong chương trình đào tạo. Như vậy, TH là một hình thức tổ chức dạy học cơ bản ở đại học có tính độc lập cao và mang đậm nét sắc thái cá nhân nhưng có quan hệ chặt chẽ với quá trình dạy học [10]. Trong bài viết này, TH được hiểu là quá trình người học tự thực hiện các hoạt động học tập (tự nghiên cứu, tự thể hiện, tự kiểm tra), có thể cần hoặc không cần sự hỗ trợ, hợp tác của người khác (hướng dẫn, tổ chức) [11]. Trong quá trình tự học, người học luôn chủ động đặt mình vào các dự án học tập, xử lí các dự án học tập để chiếm lĩnh tri thức, hình thành và phát triển các kĩ năng, kĩ xảo của bản thân nhằm đạt được mục tiêu học tập đã đề ra.

Năng lực TH là khả năng tự mình sử dụng các NL trí tuệ và có khi cả hành động cùng các động cơ, tình cảm,... để chiếm lĩnh một lĩnh vực hiểu biết nào đó của nhân loại, biến đó thành sở hữu của mình [3, 4]. Theo Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể 2018: NL TH là sự bao hàm cả cách học, kỹ năng học và nội dung học, là sự tích hợp tổng thể cách học và kỹ năng tác động đến nội dung trong hàng loạt tình huống - vấn đề khác nhau.

Trong nghiên cứu này, thực trạng TH của SV được đánh giá thông qua những nội dung cụ thể như: nhận thức của SV về vấn đề TH; sử dụng thời gian TH; kế hoạch tổ chức TH, địa điểm và hình thức TH; hiệu quả của việc TH.

### **2.1.3. Vai trò của tự học đối với sinh viên**

Việc TH của SV đóng vai trò trọng yếu ở đại học. Ở trung học, học sinh chỉ cần nắm vững những kiến thức được GV truyền giảng ở trên lớp và GV liên tục kiểm tra, đánh giá học sinh và có giao bài tập cụ thể. Ở đại học, GV đóng vai trò là người hướng dẫn học tập và các giờ lên lớp chỉ cung cấp các kiến thức cơ bản nhất, cung cấp phương pháp và tài liệu liên quan cho sinh tự tìm tòi, mở rộng kiến thức theo yêu cầu môn học [3, 10]. Điều này đòi hỏi bản thân mỗi SV phải có NLTH để trạng bị cho mình kiến thức mới nhất, khoa học nhất và thu được nhiều kinh nghiệm cho thực tiễn hoạt động để đạt kết quả như mong muốn [12].

Bên cạnh đó, việc TH còn giữ vai trò lớn lao trong việc nâng cao thành tích, hoạt động trí tuệ của SV. Trong quá trình TH, SV sẽ gặp nhiều vấn đề mới và việc đi tìm giải pháp cho những vấn đề ấy là cách tốt nhất để kích thích hoạt động trí tuệ của SV. Theo Aditxterrec: “Chỉ có truyền thụ tài liệu của GV mà thôi thì dù có nghệ thuật đến đâu chẳng nữa cũng không đảm bảo được việc lĩnh hội tri thức của HS. Nắm vững kiến thức thực sự lĩnh hội chân lí, cái đó học sinh phải tự mình làm lấy bằng trí tuệ của bản thân”. Điều đó lại khẳng định thêm vai trò của việc TH.

Ở các trường đại học, cao đẳng nước ta hiện nay, quá trình TH của SV thể hiện ở nhiều mức độ khác nhau. Tùy từng đối tượng và điều kiện cá nhân, SV có thể TH một cách thụ động, tự phát hoặc dưới sự hướng dẫn theo quy trình và giám sát, kiểm tra của GV. Hiện nay, các nước trên thế giới trong đó có Việt Nam, đang bước vào kỉ nguyên của sự chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số vào mọi mặt đời sống xã hội trong đó có GD [1]. Trong bối cảnh đó, SV cần hiểu rõ vai trò quan trọng của việc TH cũng như hình thành và phát triển NLTH cho bản thân mình.

## **2.2. Phương pháp nghiên cứu**

### **2.2.1. Phương pháp xây dựng phiếu khảo sát**

Để có đầy đủ thông tin cho việc đánh giá thực trạng năng lực tự học của sinh viên CTUT, phiếu khảo sát được chúng tôi xây dựng qua hai giai đoạn:

- Giai đoạn thăm dò mở: Chúng tôi tổng hợp và phân tích các nghiên cứu trước đây về thực trạng TH của SV trên các tạp chí chuyên ngành. Trước tiên, chúng tôi nghiên cứu thực trạng việc TH của SV Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn [9]. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc phát triển NL TH của SV Trường Đại học Sư phạm Hà Nội cũng được xem xét [11]. Đồng thời, các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến ý thức TH của SV Trường Đại học Sài Gòn cũng được chúng tôi phân tích [12]. Trên cơ sở các nghiên cứu này, tác giả xây dựng nội dung phiếu khảo sát chính thức.

- Giai đoạn thu thập dữ liệu chính thức: Các nội dung khảo sát bao gồm: *Nhận thức của SV về vai trò của việc TH* (4 biến đo lường: phát triển NL phát hiện và giải quyết vấn đề; phát huy tư duy độc lập và NL sáng tạo; nắm vững và nhớ lâu kiến thức trên lớp; hình thành NL TH suốt đời); *Thời gian dành cho việc TH* (4 biến đo lường: bất cứ khi nào có thời gian rảnh; theo kế hoạch cụ thể cho mỗi tuần học đã đề ra trước đó; trước khi kiểm tra thường xuyên và kiểm tra kết thúc học phần; khi được giảng viên giao bài tập); *Địa điểm dành cho việc TH* (4 biến đo lường:

tại các quán café, trà sữa quen thuộc; tại nhà riêng, phòng trọ; tại các phòng học ở CTUT; tại thư viện Trường); *Thực trạng việc TH của SV* (6 biến đo lường: xác định vấn đề tự học tốt; lập kế hoạch tự học tốt; tự đọc sách và tra cứu tài liệu tốt; nghe giảng và ghi chú bài tốt; thực hiện kế hoạch tự học tốt; tự kiểm tra, đánh giá kết quả tự học). Phiếu khảo sát được phát cho SV thông qua google biểu mẫu. Các biến khảo sát có 5 mức độ, bao gồm (1) Hoàn toàn không đồng ý; (2) Thường không đồng ý; (3) Không ý kiến; (4) Thường đồng ý; (5) Hoàn toàn đồng ý. Để có được phiếu khảo sát tin cậy, chúng tôi đã khảo sát thử nghiệm trên 50 SV để kiểm tra và loại bỏ các biến không đạt từ đó xây dựng phiếu khảo sát chính thức.

Số lượng SV tham khảo sát được chọn theo phương pháp phân tầng ngẫu nhiên, cỡ mẫu là 375 SV [13]. Tuy nhiên, thực tế số SV tham gia khảo sát là 801 SV thuộc 7 khoa chuyên ngành bao gồm: Khoa Công nghệ thông tin (154 SV; 19,2%), Khoa Kỹ thuật Cơ khí (73 SV, 9,1%), Khoa Quản lí Công nghiệp (145 SV, 18,1%), Khoa Điện - Điện tử - Viễn thông (134 SV, 16,7%), Khoa Kỹ thuật Xây dựng (116 SV, 14,5%), Khoa Khoa học Xã hội (39 SV, 4,9%) và khoa Công nghệ Sinh hóa - Thực phẩm (140 SV, 17,5%) (Bảng 1).

**Bảng 1. Thông tin về mẫu khảo sát**

| Khoa chuyên ngành                   | Khóa 2019 |    | Khóa 2020 |    | Khóa 2021 |    | Khóa 2022 |    | Tổng |
|-------------------------------------|-----------|----|-----------|----|-----------|----|-----------|----|------|
|                                     | Nam       | Nữ | Nam       | Nữ | Nam       | Nữ | Nam       | Nữ |      |
| Khoa Công nghệ thông tin            | 18        | 16 | 19        | 18 | 22        | 19 | 22        | 20 | 154  |
| Khoa Kỹ thuật Cơ khí                | 13        | 4  | 12        | 6  | 14        | 6  | 11        | 7  | 73   |
| Khoa Quản lí Công nghiệp            | 22        | 10 | 24        | 11 | 26        | 12 | 27        | 13 | 145  |
| Khoa Điện - Điện tử - Viễn thông    | 23        | 9  | 22        | 9  | 24        | 10 | 26        | 11 | 134  |
| Khoa Kỹ thuật Xây dựng              | 17        | 9  | 15        | 11 | 19        | 13 | 19        | 13 | 116  |
| Khoa Khoa học Xã hội                | 0         | 0  | 0         | 0  | 7         | 10 | 7         | 15 | 39   |
| Khoa Công nghệ Sinh, Hóa, Thực phẩm | 16        | 0  | 8         | 11 | 8         | 13 | 22        | 62 | 140  |

### 2.2.2. Phương pháp xử lí số liệu

Kết quả khảo sát được xử lí bằng phần mềm Microsoft Excel 2019 và phần mềm SPSS 26.0. Trước tiên, phân tích thống kê mô tả được thực hiện để tính điểm trung bình (ĐTB) và độ lệch chuẩn (ĐLC) của mỗi biến. Tiếp theo, kiểm định t-test được sử dụng để so sánh trị trung bình của biến giới tính [14].

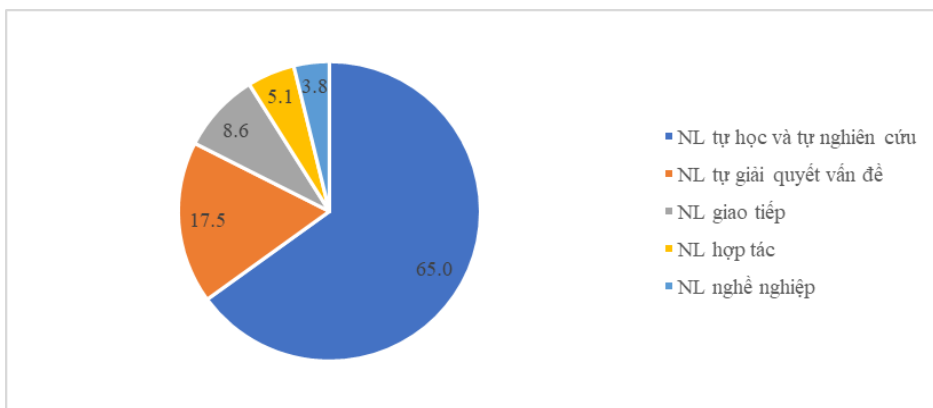
## 2.3. Kết quả và thảo luận

### 2.3.1. Nhận thức của sinh viên về vai trò của việc tự học

Kết quả khảo sát cho thấy, NL mà SV cho là quan trọng nhất trong thời gian học đại học là NLTH và tự nghiên cứu (65,0%); NL tự giải quyết vấn đề (17,5%); NL giao tiếp (8,6%) (Hình 1). Đồng thời, hầu hết SV cho rằng là TH là việc rất quan trọng (70,3%) và quan trọng (26,3%). Theo kết quả này, hầu hết SV đã có nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của việc TH và phát triển NLTH trong thời gian học đại học.

Kết quả trình bày ở Bảng 2 cho thấy hầu hết các sinh viên đã có nhận thức đúng đắn về vai trò của việc TH. Một số vai trò quan trọng của việc TH được SV đồng ý (hoặc thường đồng ý) bao gồm: giúp SV phát triển NL phát hiện và giải quyết vấn đề; giúp SV phát huy tư duy độc lập và NL sáng tạo; giúp SV nắm vững kiến thức và nhớ sâu kiến thức trên lớp; Hình thành NL TH suốt đời (có ĐTB từ 3,78 đến 4,29). Một điểm thú vị là có sự khác biệt ý nghĩa thống kê về ý kiến của SV nam và SV nữ đối với vai trò TH “giúp SV nắm vững và nhớ lâu kiến thức trên lớp” và TH giúp “giúp SV nắm vững và nhớ lâu kiến thức trên lớp” (ở mức ý nghĩa  $p < 0,05$ ).

SV nam cho rằng vai trò “giúp SV nắm vững kiến thức và nhớ sâu kiến thức trên lớp” ít quan trọng hơn so với SV nữ (ĐTB - điểm trung bình = 3,41, ĐLC - độ lệch chuẩn = 1,29 so với ĐTB = 3,68, ĐTB = 1,42). Nghĩa là vai trò này chi phối việc TH của SV nữ mạnh hơn so với SV nam. Có thể do SV nữ quan tâm nhiều hơn đến hiệu quả học tập trên lớp cũng như kết quả học tập ở bậc đại học nhiều hơn.



Hình 1. Ý kiến của sinh viên về năng lực quan trọng nhất trong thời gian học đại học

Mặt khác, SV nam đánh giá vai trò “hình thành NL TH suốt đời” quan trọng hơn SV nữ (ĐTB = 3,96, ĐLC 1,18 so với ĐTB = 3,78, ĐLC = 1,28). Có thể lí giải rằng SV nam thường có mục tiêu học tập lâu dài, đồng thời sự quan tâm của các SV nam thường là những mục tiêu dài hạn.

Bảng 2. Kết quả khảo sát ý kiến sinh viên về vai trò của việc tự học

| Vai trò của việc tự học                               | Giới tính | ĐTB  | ĐLC  | <i>t</i> | Mức ý nghĩa (p) |
|---|-----------|------|------|----------|-----------------|
| Giúp SV phát triển NL phát hiện và giải quyết vấn đề. | Nam       | 4,13 | 0,81 | 0,638    | 0,514           |
|   | Nữ        | 4,02 | 0,92 |          |                 |
| Giúp SV phát huy tư duy độc lập và NL sáng tạo.       | Nam       | 4,29 | 1,21 | 1,425    | 0,127           |
|   | Nữ        | 4,02 | 1,19 |          |                 |
| Giúp SV nắm vững và nhớ lâu kiến thức trên lớp.       | Nam       | 3,41 | 1,29 | -2,673   | 0,008           |
|   | Nữ        | 3,68 | 1,42 |          |                 |
| Hình thành NL TH suốt đời.                            | Nam       | 3,96 | 1,18 | 2,091    | 0,035           |
|   | Nữ        | 3,78 | 1,28 |          |                 |
|   | Nữ        | 2,88 | 1,32 |          |                 |

### 2.3.2. Thực trạng việc tự học của sinh viên

Với câu hỏi “*Khi nào bạn thực hiện việc TH?*”, kết quả khảo sát cũng ghi nhận không có sự khác biệt ý nghĩa thống kê giữa câu trả lời của SV nam so với SV nữ. Thời gian TH của SV thường là khi được GV giao bài tập (ĐTB = 4,89 với SV nam, ĐTB = 4,85 với SV nữ); bất cứ khi nào có thời gian rảnh (ĐTB = 4,21 với SV nam, ĐTB = 4,10 với SV nữ); trước khi kiểm tra thường xuyên và kiểm tra kết thúc học phần (ĐTB = 3,91 với SV nam, ĐTB = 3,87 với SV nữ) (Bảng 2).

**Bảng 2. Thời gian sinh viên dành cho việc tự học**

| Thời gian tự học   | Giới tính | ĐTB  | ĐLC  | $t$    | Mức ý nghĩa (p) |
|--|-----------|------|------|--------|-----------------|
| Bất cứ khi nào có thời gian rảnh.                              | Nam       | 4,21 | 0,92 | 0,615  | 0,452           |
|  | Nữ        | 4,10 | 1,04 |        |                 |
| Theo kế hoạch cụ thể cho mỗi tuần học đã đề ra trước đó.       | Nam       | 3,64 | 1,15 | -1,025 | 0,127           |
|  | Nữ        | 3,71 | 1,20 |        |                 |
| Trước khi kiểm tra thường xuyên và kiểm tra kết thúc học phần. | Nam       | 3,91 | 1,29 | -1,543 | 0,828           |
|  | Nữ        | 3,87 | 1,42 |        |                 |
| Khi được giảng viên giao bài tập                               | Nam       | 4,89 | 1,27 | 1,691  | 0,915           |
|  | Nữ        | 4,85 | 1,19 |        |                 |

Mặt khác, thời gian TH cần thiết để SV có thể tiếp thu tốt 2 giờ học tập trực tiếp cùng giảng viên thường là từ 1 - 2 giờ (438 SV, 54,7%); từ 2 - 3 giờ (152 SV, 19%); từ 3 - 4 giờ (75 SV, 9,4%); dưới 1 giờ (75 SV, 9,4%). Theo quy định đào tạo theo học chế tín chỉ, để tiếp thu tốt 2 giờ học tập trên lớp, SV cần có tối thiểu 4 giờ TH, tự nghiên cứu. Theo kết quả khảo sát này, chỉ có 9,4% SV ở CTUT đáp ứng yêu cầu này, còn lại đa số SV khác chưa dành thời gian cần thiết cho việc TH. Điều này thực sự đáng báo động. Các em có nhận thức đúng đắn về vai trò của việc TH nhưng lại không chủ động thực hiện hoặc không biết cách thực hiện tốt việc TH.

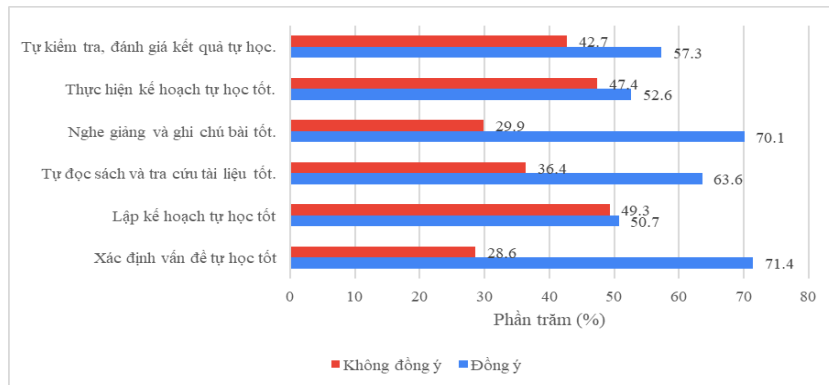
**Bảng 3. Địa điểm tự học yêu thích của sinh viên**

| Địa điểm tự học                       | Giới tính | ĐTB  | ĐLC  | $t$    | Mức ý nghĩa (p) |
|---------------------------------------|-----------|------|------|--------|-----------------|
| Tại các quán café, trà sữa quen thuộc | Nam       | 4,52 | 0,89 | -0,615 | 0,009           |
|                                       | Nữ        | 4,89 | 0,85 |        |                 |
| Tại nhà riêng, phòng trọ              | Nam       | 3,64 | 1,13 | 1,104  | 0,024           |
|                                       | Nữ        | 3,42 | 1,40 |        |                 |
| Tại các phòng học ở CTUT              | Nam       | 4,15 | 1,10 | -1,243 | 0,828           |
|                                       | Nữ        | 4,28 | 0,99 |        |                 |
| Tại thư viện Trường                   | Nam       | 2,97 | 1,27 | 1,056  | 0,915           |
|                                       | Nữ        | 2,88 | 1,32 |        |                 |

Ở khía cạnh khác, địa điểm TH yêu thích nhất mà các SV luôn đồng ý là tại các quán café, trà sữa quen thuộc (ĐTB = 4,52, ĐLC = 0,89 với SV nam; ĐTB = 4,89, ĐLC = 0,85 với SV nữ); tại các phòng học ở CTUT (ĐTB = 4,15, ĐLC = 1,10 với SV nam; ĐTB = 4,28, ĐLC = 0,99 với SV nữ); SV thường đồng ý với địa điểm TH tại nhà riêng, phòng trọ (ĐTB = 3,64, ĐLC = 1,13 với SV nam; ĐTB = 3,42, ĐLC = 1,40 với SV nữ); SV không có ý kiến về địa điểm TH tại thư viện Trường. Điều đặc biệt thú vị là có sự khác biệt giữa câu trả lời của SV nam so với SV nữ về địa điểm TH yêu thích là “tại các quán café, trà sữa quen thuộc” với “tại nhà riêng, phòng trọ”. SV nữ thích TH tại các quán cafe, trà sữa quen thuộc nhiều hơn so với SV nữ ( $t = -0,615$  và  $p = 0,009$ ) (Bảng 3). Còn các SV nam thích TH “tại nhà riêng, phòng trọ” nhiều hơn so với SV nữ ( $t = 1,104$  và  $p = 0,024$ ) (Bảng 3). Sự khác nhau này có thể là do sự khác biệt cơ bản trong

tâm lí của nam và nữ, SV nam thường thích không gian riêng tư và quen thuộc khi TH còn SV nữ thường thích vừa học vừa trò chuyện với bạn bè hơn.

Về NLTH của SV, kết quả khảo sát cho thấy về cơ bản nhiều SV đã có NL TH, cụ thể là tự kiểm tra, đánh giá kết quả tự học (57,3%); thực hiện kế hoạch TH tốt (52,6%); nghe giảng và ghi chú bài tốt (70,1%); tự đọc sách và tra cứu tài liệu tốt (63,6%); lập kế hoạch TH tốt (50,7%); xác định vấn đề TH tốt (71,4%). Bên cạnh đó, cũng còn một số SV chưa có NLTH. Các SV này chưa biết cách xác định vấn đề TH (28,6%); lập kế hoạch TH (49,3%); tự đọc sách và tra cứu tài liệu (36,4%); nghe giảng và ghi chú bài giảng (29,9%); thực hiện kế hoạch TH (47,4%) và tự kiểm tra, đánh giá kết quả TH của mình (42,7%) (Hình 2). Có thể thấy rằng, đa số SV biết xác định vấn đề TH và có khả năng nghe giảng và ghi chú bài tốt, nhưng các em lại không có kế hoạch học tập tốt, tự thực hiện cũng như tự kiểm tra đánh giá kết quả TH theo kế hoạch đã đề ra.



**Hình 2. Thực trạng năng lực tự học của sinh viên ở Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ**

Từ thực trạng NL TH của SV CTUT cho thấy: 1) SV CTUT đã có nhận thức đúng đắn về vai trò của việc TH, tuy nhiên NL TH của các em còn nhiều hạn chế, dẫn đến việc TH của SV chưa mang lại hiệu quả như mong muốn. 2) Vấn đề cơ bản và cần được quan tâm hiện nay là giải pháp nâng cao NL TH của SV tại CTUT. Đa số SV đã có nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của việc TH, Ban Giám hiệu cần đưa những biện pháp giúp SV chủ động hơn trong việc lập kế hoạch học tập, tự thực hiện và kiểm tra, đánh giá kết quả theo kế hoạch đã đề ra.

### **2.3.3. Một số giải pháp nâng cao năng lực tự học của sinh viên tại Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ**

Qua các nhận định ở phần trên, một số giải pháp nâng cao NL TH của viên CTUT được chúng tôi đề xuất và thực hiện. Việc TH của SV chỉ thực sự hiệu quả khi có sự kết hợp giữa việc nâng cao kiến thức, kĩ năng và thái độ của SV cùng với sự quan tâm của gia đình, sự định hướng của giảng viên cùng với những chính sách động viên và hỗ trợ kịp thời từ Ban Giám hiệu CTUT.

*Giải pháp 1: Hình thành thói quen tốt cho sinh viên trong việc tự lập kế hoạch học tập, tự thực hiện theo kế hoạch đề ra, thường xuyên kiểm tra và đánh giá kết quả đạt được.*

Với sự hướng dẫn của cố vấn học tập và GV bộ môn, SV chủ động lập kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kì, đồng thời xác định rõ mục tiêu học tập theo từng giai đoạn. GV có trách nhiệm thường xuyên theo dõi, động viên, nhắc nhở SV sắp xếp thời gian và công việc để có thể hoàn thành mục tiêu theo kế hoạch đã đề ra. Trong quá trình học tập, nếu gặp khó khăn SV cần mạnh dạn liên hệ và tham khảo ý kiến cố vấn học tập để kịp thời điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế.

*Giải pháp 2: Thường xuyên tuyên truyền và tập huấn cho SV về năng lực tự học, năng lực làm việc nhóm.*

Khả năng làm việc nhóm cùng với khả năng TH suốt đời là hành trang vô giá cho SV sau khi tốt nghiệp. Giảng viên nên tăng cường các dạng bài tập nhóm cho SV nhằm phát triển NL tự học của các em. Thông qua bài tập nhóm, SV dần hình thành kỹ năng tìm kiếm và chọn lọc các tài liệu tham khảo để hoàn thành bài tập được giao. Ở khía cạnh khác, giảng viên cần biên soạn tài liệu hướng dẫn TH tương ứng với học phần giảng dạy và cung cấp tài liệu trong quá trình giảng để sinh viên thực hiện việc TH. Giảng viên cần khai thác tối đa hệ thống E-Learning của CTUT trong việc tương tác với SV, giao tài liệu học tập, giao bài tập và thực hiện kiểm tra thường xuyên trên hệ thống này phục vụ quá trình dạy học và phát triển NL TH của SV.

*Giải pháp 3: Hướng dẫn SV khai thác và sử dụng dịch vụ học tập thông qua điện thoại thông minh và máy tính bảng.*

Dịch vụ học tập thông qua điện thoại thông minh và máy tính bảng (mobile learning) đã và đang phát triển rất nhanh, được biết đến với nhiều ưu điểm nổi bật. Mobile learning được đánh giá cao nhờ sự chủ động, tiện lợi, hiệu quả và linh hoạt trong việc đào tạo từ xa. SV cần được hướng dẫn cách khai thác mobile learning phục vụ việc TH của mình. Với những công cụ và tài nguyên phong phú, nếu được sử dụng đúng cách, mobile learning dự kiến sẽ nâng cao chất lượng đào tạo đồng thời tạo thêm sự hứng thú cho các SV.

### **3. Kết luận**

Tự học có vai trò rất quan trọng đối với SV. Việc hình thành ý thức và phát triển NLTH cho SV ở Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ là rất cần thiết. Kết quả nghiên cứu cho thấy SV CTUT đã có nhận thức đúng đắn về vai trò của việc TH, tuy nhiên các em chưa thực hiện tốt việc TH. Có đến 49,3% SV chưa biết các lập kế hoạch TH, 28,6% SV chưa biết cách xác định vấn đề TH; 47,4% chưa biết cách thực hiện kế hoạch TH; 42,7% SV chưa biết cách tự kiểm tra, đánh giá kết quả TH của mình. Kết quả nghiên cứu là cơ sở quan trọng cho Ban Giám hiệu nhà trường tham khảo đưa ra những quyết định kịp thời nhằm nâng cao NL TH cho SV ở CTUT.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1] Thủ tướng Chính phủ, 2022. Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.
- [2] B. Meier và Nguyễn Văn Cường, 2016. *Lí luận dạy học hiện đại*. Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [3] Phạm Thị Hồng Tú, 2018. Phát triển năng lực tự học cho sinh viên ngành Sư phạm Sinh học trong dạy học học phần Lí luận dạy học sinh học. *Tạp chí Giáo dục*, Số 429 (Kì 1 - 5/2018), tr 48-52; 56.
- [4] Trần Quốc Lập, 2008. Phát triển năng lực tự học trong hoàn cảnh Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, Số 10 (2008), tr 169-175.
- [5] Tô Minh Thanh, 2011. Việc tự học của sinh viên khối ngành Ngoại ngữ Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn trong hệ đào tạo tín chỉ: thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Phát triển Khoa học và công nghệ*, tập 14, số X2, tr. 83-97.

- [6] Đoàn Văn Khái, 2017. Nâng cao năng lực tự học của sinh viên Trường Đại học Ngoại Thương. *Tạp chí Kinh tế Đối ngoại*, số 95, tr. 87-95.
- [7] Nguyễn Đức Giang và Phạm Thị Hồng Nhung, 2020. Năng lực tự học và các yếu tố ảnh hưởng tới phát triển năng lực tự học cho sinh viên sư phạm. *Tạp chí khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, tập 65, số 4, tr. 79-88.
- [8] Lê Chi Lan, 2020. Những yếu tố khách quan ảnh hưởng đến ý thức tự học của sinh viên đại học hiện nay. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, Số 35 tháng 11/2020, tr. 10-15.
- [9] Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ, 2023. Kỉ yếu 10 năm xây dựng và phát triển Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ. Nhà xuất bản Trường Đại học Cần Thơ.
- [10] Đỗ Thị Châu, 2019. *Tự học của sinh viên*. Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
- [11] Nguyễn Xuân Trường và Hoàng Gia Bảo, 2020. Thiết kế bộ công cụ đánh giá năng lực tự học cho sinh viên thông qua dạy học theo dự án trong học phần Hóa học Đại cương Vô cơ ở Trường Cao đẳng Y tế". *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, Volume 65, Issue 1, pp. 192-203
- [12] Phan Bích Ngọc, 2009. Tổ chức việc tự học cho sinh viên nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của các trường đại học theo hình thức tín chỉ hiện nay. *Tạp chí Khoa học Đại học quốc gia Hà Nội*, số 25, tr. 160-164.
- [13] Phạm Văn Quyết và Nguyễn Quý Thanh, 2011. *Phương pháp nghiên cứu xã hội học*. Nhà xuất bản Quốc gia Hà Nội.
- [14] Phạm Lộc, 2021. *Hướng dẫn sử dụng SPSS V.26*. Sách điện tử tại trang web [www.phamlocblog.com](http://www.phamlocblog.com), 2021.

## ABSTRACT

### **Evaluate the current situation regarding students' self-learning capacity at the Can Tho University of Technology**

Nguyen Van Kiet<sup>1</sup>, Le Hoang Minh<sup>1</sup>, Huynh Gia Bao<sup>2</sup>, Ho Thi Bang Ha<sup>3</sup>, Lam My Ai<sup>3</sup>, and Trang Quang Vinh<sup>4</sup>

<sup>1</sup>*Department of Political Affairs and Student Management, Can Tho University of Engineering and Technology;* <sup>2</sup>*Faculty of Pedagogy, Can Tho University*

<sup>3</sup>*Faculty of Industrial Management, Can Tho University of Engineering and Technology*

<sup>4</sup>*Faculty of Pedagogy, An Giang University, Ho Chi Minh City National University*

The world is entering the digital transformation era, applying digital technology to all aspects of social life, including education. In this context, teaching activities at universities in Vietnam have been changing according to the goal of developing learners' competencies. Among the necessary competencies for students are the capacity to detect and solve problems, the capacity to apply information and communication technology, the capacity for scientific research, the capacity to self-learning, etc. Self-learning capacity plays a critical role and is an indispensable requirement. The article outlines the theoretical basis for self-learning and assesses the actual learning capacity of students at the Can Tho University of Technology.

**Keywords:** self-learning, students, CTUT, capacity, reality.